

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-4-2022

*V/v yêu cầu không công nhận quan  
hệ vợ chồng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Bà Lê Thị Toan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 752/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 về “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ P, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 22/33 Vạn K, tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Mai Tuấn A, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 57 Hùng V, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 21-12-2021, bản tự khai ngày 05-01-2022, nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ P trình bày:

Bà và ông Mai Tuấn A tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1989, có tổ chức đám cưới nhưng do không am hiểu pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, ông A không tôn trọng bà, đi nhậu về thường xuyên đánh đập bà, bà nhiều lần gọi cho Công an phường D đến can thiệp, giải quyết nên mới sống được cho đến ngày hôm nay. Bà và ông A đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng với ông A không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Mai Tuấn A là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông A có ba con chung là cháu Mai Phương Q1, sinh ngày 05-11-1990, cháu Mai Phương T, sinh ngày 24-9-1995, cháu Mai Phương Q2, sinh ngày 12-8-1997. Hiện nay ba con chung đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Mai Tuấn A mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên đã không trình bày được quan điểm của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là ông Mai Tuấn A đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ P và ông Mai Tuấn A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 pháp luật không thừa nhận bà P và ông A là vợ chồng. Trong quá trình chung sống giữa bà P và ông A có mâu thuẫn trầm trọng, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng bà P và ông A không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông A là vợ chồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà P và ông A có ba con chung là cháu Mai Phương Q1, sinh ngày 05-11-1990, cháu Mai Phương T, sinh ngày 24-9-1995, cháu Mai Phương Q2, sinh ngày 12-8-1997. Hiện nay ba con chung đã đủ 18 tuổi và tự lập được. Bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ P.

1. Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Mỹ P và ông Mai Tuấn A là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001191 ngày 31-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà Lê Thị Mỹ P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Thu**